TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/HS-ST
Ngày 23-10-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Anh L**.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Đỗ Duy T.**
2. Bà **Trần Thị H**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt C** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Bà **Lý Hồng H** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 497/2017/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Bị cáo: **PHẠM THỊ H** - Sinh ngày 01 tháng 8 năm 1989 tại huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn C, xã D, huyện B, tỉnh Hà Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn H (Tên gọi khác: Phạm Ngọc H) - Sinh năm: 1959; Con bà: Vũ Thị O - Sinh năm: 1960; Gia đình bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con thứ 04; Chồng: Nguyễn Cao T - Sinh năm: 1989; Con: 01 con sinh năm: 2012; Tiền án có 02 tiền án; Tiền sự: Không;

Bị cáo H bị bắt ngày 22-7-2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; Hôm nay có mặt.

Người bị hại: Chị **Lưu Thị H1** – Sinh năm: 1980; Địa chỉ: Tổ 09, thị trấn Nông trường Đ, huyện A, tỉnh Hà Giang. Hôm nay có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Mai Thị C** – Sinh năm: 1965; Địa chỉ: Thôn E, xã G, huyện A, tỉnh Hà Giang. Hôm nay vắng mặt.

Người làm chứng: Anh **Nguyễn Xuân Y** – Sinh năm: 1983; Địa chỉ: Tổ 08, thị trấn A, huyện A, tỉnh Hà Giang. Hôm nay có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 22-7-2018 Phạm Thị H - sinh năm 1989 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 23B1-296.33 chở sau là con Nguyễn Hà A - sinh năm 2012, từ nhà nghỉ Thu H thuộc tổ 05 thị trấn A, ra chợ trung tâm thị trấn A, huyện A để mua hoa quả. Khi đến chợ H để xe ở khu vực gửi xe, sau đó cùng con trai đi vào quán bán hàng hoa quả của Lưu Thị H1 để mua hoa quả. H mua nho và chôm chôm hết 65.000đ (*Sáu mươi lăm nghìn đồng*), Hòa đưa cho H1 tờ tiền mệnh giá 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*), chị H1 mở ngăn kéo tủ gỗ ra lấy tiền trả lại cho H, lúc này H nhìn thấy trong ngăn kéo tủ có 01 cọc tiền đã buộc dây nịt nên H đã nảy sinh ý định trộm cắp số tiền. H bảo H1 chọn cho H thêm quả dưa hấu và chôm chôm cho vào túi bóng để H tìm cách lấy trộm số tiền trong ngăn tủ. Lợi dụng lúc chị H1 đang chọn hoa quả không quan sát xung quanh nên H tiến lại gần tủ, thò tay phải vào trong ngăn kéo lấy trộm cọc tiền cất vào túi áo trống nắng đang mặc trên người. Lấy tiền xong H nói với H1 " *Tý nữa em quay lại lấy nhé*". Sau đó H cùng con trai lấy xe máy đi về Nhà nghỉ Thu Hằng. Về phía H1 sau khi H đi H1 kiểm tra ngăn kéo tủ phát hiện bị mất tiền nên nghĩ H lấy trộm nên đuổi theo H thì nhìn thấy H đi về phía nhà Nghỉ Thu Hằng. Đang đuổi theo H thì gặp Nguyễn Xuân Y- sinh năm 1983, trú tại tổ 8, thị trấn A, huyện A điều khiển xe mô tô đến, H1 nhờ Y chở đuổi theo H đến nhà nghỉ Thu Hằng, H1 hỏi " *Em ơi chị bị mất một cọc tiền, em có lấy thì cho chị xin lại, nếu không lấy thì thôi*". Biết đã bị phát hiện nên H lấy cọc tiền trong túi áo ra đưa cho H1. Đồng thời H thừa nhận đã trộm cắp tiền của H1. Sau đó H1 và Y đưa H đến chợ trung tâm thị trấn A và báo cơ quan chức năng đến giải quyết.

Vật chứng thu giữ gồm:

- Số tiền 20.700.000đ (*Hai mươi triệu bảy trăm nghìn đồng*). Quá trình điều tra xác định số tiền này là tài sản của bà Lưu Thị H1. Ngày 03-8-2018 bà H1 có đơn xin lại tài sản. Xét thấy không cần phải tạm giữ thêm nên ngày 06-8-2018 Cơ quan CSĐT Công an huyện A đã trả lại cho chủ sở hữu (BL số 77).

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA-Wave, màu sơn đỏ, đen, bạc, biển kiểm soát 23B1-296.33. Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô này là tài sản của bà Mai Thị C. Ngày 20-7-2018 Hòa mượn xe của bà C để đi xuống A, ngày 22-7-2018 H thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản bà C không biết. Ngày 07-9-2018 bà C có đơn xin lại tài sản. Xét thấy không cần phải tạm giữ thêm nên ngày 07-9-2018 Cơ quan CSĐT Công an huyện A đã trả lại cho chủ sở hữu (BL số 82).

- 01 áo khoác chống nắng màu xanh tím than dài khoảng 160cm;

- 01 khẩu trang bằng vải.

(*Vật chứng trên đã chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự huyện A để quản lý theo thẩm quyền*).

Tại Kết luận giám định ngày 30-7-2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận: Số tiền 20.700.000đ (*Hai mươi triệu bảy trăm nghìn đồng*) là tiền thật (BL số 68).

Tại cáo trạng số: 31/CT-VKS ngày 04 tháng 10 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang. Quyết định truy tố đối với bị cáo Phạm Thị H về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Phạm Thị H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau: 09 giờ 00 phút ngày 22-7-2018, tại chợ trung tâm thị trấn A, huyện A, tỉnh Hà Giang, bị cáo H đã có hành vi trộm cắp số tiền 20.700.000đ của chị Lưu Thị H1. Bị cáo H nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị với HĐXX giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về hòa nhập với gia đình và cộng đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, người bị hại chị Lưu Thị H1 công nhận phần trình bày của bị cáo Phạm Thị H là đúng. Chị Lưu Thị H1 đã nhận lại đủ số tiền 20.700.000đ và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm về phần trách nhiệm dân sự. Ngoài ra, không có ý kiến gì bổ sung.

Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị C vắng mặt, Chủ tọa công bố lời khai và Đơn xin giải quyết vắng mặt của bà Mai Thị C đã nhận lại tài sản của mình là chiếc xe mô tô BKS 23B1 – 296.33 và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm về phần trách nhiệm dân sự. Ngoài ra, không có ý kiến gì bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A thực hành quyền công tố tại phiên tòa ngày hôm nay, có quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Đưa ra chứng cứ đánh giá mức độ hành vi phạm tội và thái độ thành khẩn khai báo của bị cáo; lời khai của người bị hại; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; lời khai của người làm chứng. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A đề nghị với HĐXX tuyên bố:

Về tội danh: Tuyên bị cáo Phạm Thị H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Thị H từ 12 tháng đến 14 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo H bị bắt, ngày 22-7-2018.

Về phần dân sự: Sau khi nhận lại số tiền 20.700.000đ, người bị hại Lưu Thị H1 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm về phần trách nhiệm dân sự. Do vậy không xem xét.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tiêu hủy vật chứng không còn giá trị sử dụng:

- 01 áo khoác chống nắng màu xanh tím than dài khoảng 160cm.
- 01 khẩu trang bằng vải. (Theo như biên bản bàn giao giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện A ngày 04-10-2018).

Xe mô tô BKS 23B1-296.33 Cơ quan điều tra thu giữ, xét thấy chủ sở hữu không có lỗi đã trả lại cho chủ sở hữu là bà Mai Thị C, bà C không có yêu cầu gì bổ sung không đề cập giải quyết.

Về án phí, quyền kháng cáo của bị cáo theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phần tranh luận:

Bị cáo H, bị hại có ý kiến nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa.

Quyền của bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo H nhận thức hành vi phạm tội là vi phạm pháp luật xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về với gia đình.

Người làm chứng đã khai tại hồ sơ hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo Phạm Thị H khai nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án HĐXX nhận thấy Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên đã thực hiện hành vi, quyết định tố tụng về khởi tố vụ án, khởi tố bị can, ra biện pháp ngăn bắt tạm giam đối với bị cáo, ra quyết định truy tố; thu thập chứng cứ tài liệu, vật chứng đã khách quan, phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Bị cáo Phạm Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như sau. Vào khoảng 09 giờ 00 phút ngày 22-7-2018, tại chợ trung tâm thị trấn A, huyện A, tỉnh Hà Giang, bị cáo Phạm Thị H đã có hành vi trộm cắp số tiền 20.700.000đ của chị Lưu Thị Hồng để trong ngăn kéo tủ mục đích tiêu sài cá nhân. Bị cáo H là người có đủ năng lực hành vi chịu trách nhiệm hình sự. Lời nhận tội của bị cáo trước phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, phù hợp kết luận giám định tài sản, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Bị cáo Phạm Thị H thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Do vậy HĐXX đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Phạm Thị H phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Như đại điện Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

"*Khoản 1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*".

Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo H đã xâm hại đến tài sản của người khác, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế hộ gia đình, làm mất trật tự an ninh xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân tại địa phương, là nguy hiểm cho xã hội. Hội đồng xét xử thấy rằng cần lên một mức án phù hợp trong khung hình phạt quy định đối với bị cáo H, cần cách ly trong trại cải tạo để bị cáo H có thời gian rèn luyện tu dưỡng bản thân trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng giáo dục, phòng ngừa chung loại tội phạm này.

Tình tiết tặng nặng trách nhiện hình sự.

Bản án số: 30/2013/HSST ngày 25-12-2013 Toà án huyện ên, tỉnh Lào Cai xử phạt bị cáo H 01 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 29 tháng 10 ngày, về tội "Trộm cắp tài sản".

Bản án số: 28/2014/HSST ngày 17-9-2014 Tòa án thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang và Bản án phúc thẩm số 27/2014/HSPT ngày 20-11-2014 của Tòa án tỉnh Hà Giang xử phạt bị cáo H 30 tháng tù giam "Trộm cắp tài sản" tổng hợp cộng 30/2013/HSST ngày 25-12-2013 phạt 01 năm 03 tháng tù "Trộm cắp tài sản" Bị cáo H chấp hành phạt 45 tháng tù giam (được khấu trừ thời gian tạm giam). Bị cáo H chấp hành xong hình phạt tù ngày 28-7-2017 nhưng chưa được xóa án tích, bị cáo không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội nên phải chịu tình tiết tái phạm theo quy định của điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 khi lượng hình.

Tình tiết giảm trách nhiện hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, tài sản đã thu lại ngay trả cho bị hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, là 02 tình tiết giảm nhẹ hình phạt theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Do vậy bị cáo H được hưởng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt khi lượng hình.

Bị cáo H không có thu nhập ổn định nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung, hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại số tiền 20.700.000đ, người bị hại Lưu Thị H1 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm về phần trách nhiệm dân sự. Do vậy, HĐXX không đề cập xem xét giải quyết.

Về vật chứng:

Tiêu hủy vật chứng không còn giá trị sử dụng:

- 01 áo khoác chống nắng màu xanh tím than dài khoảng 160cm.
- 01 khẩu trang bằng vải.

(Theo như biên bản bàn giao giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện A ngày 04-10-2018).

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Xe mô tô BKS 23B1-296.33 Cơ quan điều tra sau khi thu giữ, xét thấy chủ sở hữu không có lỗi đã trả lại cho chủ sở hữu là bà Mai Thị C, bà C không có yêu cầu gì bổ sung nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Thị H phải chịu: 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 21, khoản 1 Điều 23 theo Nghị quyết số 326-2016-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 “quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án” .

Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị H 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo Hòa bị bắt, ngày 22-7-2018.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tiêu hủy vật chứng không còn giá trị sử dụng:

- 01 áo khoác chống nắng màu xanh tím than dài khoảng 160cm.
- 01 khẩu trang bằng vải hình.

(Theo như biên bản bàn giao giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện A ngày 04-10-2018).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 21, khoản 1 Điều 23 theo Nghị quyết số 326-2016-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 "quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án" .

Buộc bị cáo Phạm Thị H phải chịu: 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Báo cho các bị cáo; người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23-10-2018). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T-M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Lâm Anh L

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện A;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Công an huyện A;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Sở tư pháp;
- Thi hành án huyện A;
- Lưu hs, hstha, vp.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện A;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Công an huyện A;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Sở tư pháp;
- Thi hành án huyện A;
- Lưu hs, hstha, vp.

T-M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lâm Anh Luyện